TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày: 26-8-2022.

"V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Công;

2. Bà Lê Thị Vân Thanh;

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022, "V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-DS ngày 18/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 543/2022/QĐST-DS ngày 03/8/2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 570/2022/QĐST-DS ngày 19/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1996 – Là chủ cửa hàng Hoàng Hoa.

Người đại diện hợp pháp của chị Nh: Anh Trần Duy Ph, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Số nhà 254A/TĐ, ấp Tân Đ, xã Tân Th, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 24/02/2022.

- Bị đơn: Anh Phạm Đình Th, sinh năm 1982 và chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số nhà 38B/TK, ấp Tân Kh, xã Tân Th, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Anh Trần Văn V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 276, ấp An L, xã Định A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Ph và anh V có mặt, anh Th và chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Duy Ph trình bày:* Từ năm 2018, anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T có đến cửa hàng Hoàng H do chị Nh làm chủ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, mua bán không ghi hoá đơn nhưng có xác nhận nợ tại thời điểm thanh toán. Tính đến ngày 13/12/2020, anh Th và chị T quyết toán còn nợ số tiền 12.000.000 đồng và anh Th, chị T đã ký xác nhận nợ vào sổ theo dõi của chị Nh. Sau đó, chị Nh đã nhiều lần yêu cầu anh Th, chị T thanh toán số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ nhưng vẫn không trả. Chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T cùng liên đới trả số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 13/12/2020 đến ngày 25/02/2022 với lãi suất 1%/tháng là 12.000.000 đồng x 1% x 14 tháng 12 ngày = 1.728.000 đồng. Tổng cộng là 13.728.000 đồng (*Mười ba triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Tại phiên tòa ngày 19/8/2022, anh Phương đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị Nh yêu cầu anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T cùng liên đới trả số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 13/12/2020 đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng. Do chứng minh chị T là người trực tiếp cùng anh Th đi mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng Hoàng H nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để mời người làm chứng là anh Trần Văn V là người làm của cửa hàng đã giao phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho vợ chồng anh Th.

Tại phiên tòa ngày 26/8/2022, anh Ph đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị Nh yêu cầu anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T cùng liên đới trả số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 13/12/2020 đến ngày 26/8/2022 với lãi suất 0,83%/tháng là: 12.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 20 tháng 13 ngày = 2.035.000 đồng.

- *Bị đơn anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T trình bày:* Anh Th và chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản ý kiến, phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa người làm chứng anh Trần Văn V trình bày: Anh V là người làm công tại cửa hàng Hoàng H từ năm 2017 cho đến nay, công việc hàng ngày của anh V là lấy vật tư nông nghiệp giao cho khách tại cửa hàng hoặc chở đi giao cho khách theo yêu cầu của chủ cửa hàng. Anh V là người đã giao vật tư nông nghiệp cho anh Th và chị T tại cửa hàng Hoàng Hoa khi anh Th và chị T đến mua, nhận trực tiếp tại cửa hàng và anh là người chở vật tư nông nghiệp đi giao tại vườn quýt anh Th canh tác ở xã Đ, huyện L.

- Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo biên nhận xác nhận nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án

nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện trả số tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của chị Nguyễn Thị Nh đối với anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T:

Căn cứ xác nhận nợ được viết tay có nội dung thể hiện ngày 14/5/2018 còn nợ 70.121.000 đồng, sau đó gửi 15.121.000 đồng và còn lại 55.000.000 đồng do Phạm Đình Th ký và ghi họ tên, đến ngày 15/6/2019 còn 30.000.000 đồng, đến ngày 28/2019 còn 20.000.000 đồng, đến ngày 10/5/2020 còn 15.000.000 đồng, đến ngày 13/12/2020 còn 12.000.000 đồng do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và đã được Tòa án sao chụp kèm theo thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tống đạt cho bị đơn anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2022, anh Phạm Đình Th thừa nhận trước đây anh Th có mua thuốc, vật tư nông nghiệp tại cửa hàng Hoàng Hoa và anh Th đã ký xác nhận còn nợ tiền với chị Nh, việc mua bán và sử dụng thuốc canh tác là do anh Th thực hiện, không liên quan đến chị Phạm Thị Thanh T. Anh Th đã nhiều lần mua thuốc, vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của chị Nh với số tiền nợ hơn 40.000.000 đồng, anh Th đã nhiều lần thanh toán và hiện nay còn nợ 12.000.000 đồng nên anh Th đồng ý trả số tiền 12.000.000 đồng cho chị Nh nhưng anh sẽ trả từ từ.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn V là người làm chứng xác nhận anh V là người trực tiếp lấy vật tư nông nghiệp giao cho anh Th tại cửa hàng Hoàng H khi anh Th và chị T đến mua tại cửa hàng và anh Việt là người chở vật tư nông nghiệp đi giao cho anh Th nhận tại vườn quýt anh Th canh tác ở xã Đ, huyện L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2018 đến ngày 13/12/2020, giữa chị Nguyễn Thị Nh là chủ cửa hàng Hoàng H với anh Phạm Đình Th có mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là có thật, việc thỏa thuận mua và bán giữa chị Nh và anh Th là hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc. Bị đơn anh Phạm Đình Th cho rằng anh là người trực tiếp mua thuốc bảo vệ thực vật của chị Nh, anh Th thừa nhận có ký tên và ghi họ tên xác nhận nợ tiền mua thuốc bảo vệ thực vật của chị Nh với số tiền nợ hơn 40.000.000 đồng và sau đó anh Th đã nhiều lần thanh toán cho chị Nh nên hiện nay anh Th còn nợ 12.000.000 đồng và anh Th đồng ý trả số tiền nợ 12.000.000 đồng cho chị Nh.

Anh Th thừa nhận chị T là vợ của anh Th cùng cư trú tại địa chỉ số 38B/TK, ấp Tân Kh, xã Tân Th, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và cùng làm việc tại chợ Tân Th. Vì vậy anh Th mua thuốc bảo vệ thực vật của chị Nh là để canh tác tài sản chung của vợ chồng, nhằm thu lợi nhuận để phục vụ nhu cầu

thiết yếu trong gia đình nên chị T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ đối với giao dịch do anh Th thực hiện. Vì vậy, anh Th cho rằng anh Th sử dụng vật tư nông nghiệp để canh tác là do mình anh Th, không liên quan đến vợ anh chị Phạm Thị Thanh T là không có căn cứ. Do đó, anh Th và chị T phải có nghĩa vụ cùng liên đới trả số tiền còn nợ cho chị Nh là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện trả tiền lãi của chị Nh đối với anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thời điểm chị Nh và anh Th thực hiện việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không có thỏa thuận về mức lãi suất phải trả do bên có nghĩa vụ chậm trả tiền. Tại phiên tòa, anh Phương là người đại diện hợp pháp của chị Nh điều chỉnh mức lãi suất là 0,83%/tháng và yêu cầu anh Th và chị T cùng liên đới trả tiền lãi của số tiền nợ 12.000.000 đồng, tính từ ngày 13/12/2020 đến ngày 26/8/2022. Anh Th và chị T là bên mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị Nh – Chủ Cửa hàng Hoàng H số tiền 12.000.000 đồng thì anh Th và chị T phải có trách nhiệm trả tiền lãi của số tiền còn nợ cho chị Nh có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 440, Điều khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Tiền lãi từ ngày 13/12/2022 đến ngày 26/8/2022 được tính cụ thể như sau: 12.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 20 tháng 13 ngày = 2.035.000 đồng.

Như vậy tổng cộng tiền nợ gốc chưa thanh toán và tiền lãi anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T cùng liên đới trả cho chị Nh là: 14.035.000 đồng (*Mười bốn triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét lời phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh – Chủ Cửa hàng Hoàng H.

Buộc anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T cùng liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Nh số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 12.000.000 đồng và tiền lãi 2.035.000 đồng, tổng cộng là 14.035.000 đồng (*Mười bốn triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Chị Nguyễn Thị Nh không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hương còn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 344.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006057 ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phạm Đình Th và chị Phạm Thị Thanh T cùng liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 702.000 đồng (*Bảy trăm lẻ hai nghìn đồng*) (chưa nộp).

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2022). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng